



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**PHỤ LỤC**

**CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

STT	Điều khoản	Nội dung đã ban hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Phân mở đầu	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (dưới đây gọi là “Công ty”), được cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần và Quyết định số 288/QĐ-HHVN ngày 13/6/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tổ chức vào ngày 14 tháng 4 năm 2016</p>	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ngày 29 tháng 6 năm 2018.</p>	Cảng Hải Phòng đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được 4 năm.

2	Điểm a khoản 1 Điều 1	“Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	“Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu
3	Khoản 1 Điều 1	Chưa quy định	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu
4	Điểm d khoản 1 Điều 1	“Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	“Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu và khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014
5	Khái niệm người điều hành doanh nghiệp	Chưa quy định	“Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu Thuật ngữ này sẽ thay cho thuật ngữ cán bộ quản lý
6	Khoản 2 Điều 2 Hình thức hoạt động	Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	Tách thành một điều riêng biệt về Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty 1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan. 2. Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt	Quy định chi tiết và cụ thể hơn về tư cách pháp nhân của công ty



			<p>Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào Công ty.</p> <p>3. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác; quản lý, chỉ đạo, chi phối các doanh nghiệp khác theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có:</p> <p>a. Con dấu riêng; được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước, các ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.</p> <p>b. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.</p> <p>c. Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.</p>	
7	Điều 3 Người đại diện pháp luật	Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	<p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc Công ty.</p> <p>Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty</p>	Áp dụng Điều 3 Điều lệ mẫu

			thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	
8	Khoản 1 Điều 4 Lĩnh vực kinh doanh	18 lĩnh vực cụ thể	Bổ sung thêm hai ngành nghề: -Cho thuê xe có động cơ (7710) -Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730) Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ	Bổ sung thêm 2 ngành nghề kinh doanh do trong thời gian qua, Cảng Hải Phòng đã nhận được một số đề nghị xin thuê phương tiện thiết bị lâu dài từ một số doanh nghiệp khác. Vì vậy, Cảng Hải Phòng đề xuất việc bổ sung 02 ngành nghề kinh doanh này.
9	Khoản 2 Điều 4 Mục tiêu hoạt động	Tách thành một điều riêng biệt và bổ sung thêm mục tiêu số 3. 1. Phát triển Công ty thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu trong cả nước; 2. Kinh doanh có lãi, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư tại Công ty. 3. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước. 4. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả	a. Trở thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực phía Bắc và trong cả nước; b. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty và các tổ chức khác có cổ phần, vốn góp của Công ty; c. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu	Ngoài mục tiêu về kinh tế, công ty còn muốn đảm bảo các mục tiêu về xã hội.



		sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.	quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.	
10	Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	<p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty là ở cả trong và ngoài nước.</p>	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt
11	Quản lý nhà nước	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung này	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty
12	Điều 6 Vốn điều lệ và cổ phần	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng (<i>Ba nghìn hai trăm sáu chín tỷ sáu trăm triệu đồng</i>). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.960.000 (<i>Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn</i>) cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 đồng.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp</p>	<p>Tách nội dung này thành các điều riêng biệt là:</p> <p><b>Điều 11: Vốn điều lệ</b></p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng (<i>Ba nghìn hai trăm sáu chín tỷ sáu trăm triệu đồng</i>).</p> <p>2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).</p> <p>3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Điều chỉnh lại cách trình bày nội dung</p> <p>2. Cơ sở để xây dựng nội dung về tăng, giảm vốn điều lệ là mục A, B phần I Thông tư 19/2003/TT-BTC ngày 20/3/2003 hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong</p>



	<p>luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng</p>	<p><b>Điều 12: Tăng, giảm vốn điều lệ</b></p> <p>1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật.</p> <p>Công ty phải bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.</p> <p>2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:</p> <p>a. Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức;</p> <p>b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần (nếu có);</p> <p>c. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Công ty:</p> <p>a. Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm; và</p> <p>b. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Việc giảm vốn điều lệ của Công</p>	<p>công ty cổ phần</p> <p>3. Cơ sở để xây dựng nội dung về cổ phần và chào bán cổ phần là Điều 110, Điều 111, Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp</p>
--	---	---	--



quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

#### **Điều 13. Cổ phần**

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.

2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 326.960.000 cổ phần (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn cổ phần*).

3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được cơ quan nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

#### **Điều 14. Chào bán cổ phần**

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền

chào bán theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị vốn điều lệ, các quỹ không chia), trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

c. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó nếu được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại



			<p>hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.</p>	
13	Điều 7 Chứng nhận cổ phiếu	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có). Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng</p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;</p> <p>e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;</p> <p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</p>	Áp dụng Điều 7 Điều lệ mẫu

về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

5. Sổ đăng ký cổ đông:

a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

h. Sổ đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng; Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này; và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành);

3. Công ty có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Công ty cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

4. Cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán



			ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc của Hội đồng quản trị.	
14	Điều 8 Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có).	Bỏ nội dung này	Đối với nội dung này, công ty sẽ thực hiện theo quy định của luật chuyên ngành có liên quan.
15	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán. Cổ phần thuộc sở hữu công đoàn không được chuyển nhượng.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày</p>	<p>Nội dung này được tách thành các điều riêng biệt sau đây:</p> <p><b>Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần</b></p> <p>1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.</p> <p>3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền</p>	<p>1. Điều 121 và Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014</p> <p>2. Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 hết hiệu lực từ 01/01/2018</p>



18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ phương thức nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.

5. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết, người (hoặc những người) thừa kế hoặc người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp

nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

#### **Điều 18. Thừa kế cổ phần**

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các chức



	<p>luật về dân sự.</p> <p>7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty khi các thông tin của người nhận cổ phần được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>danh quản lý tương ứng.</p> <p><b>Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông</b></p> <p>1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;</p> <p>c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước hoặc số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.</p> <p>e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung</p>	
--	--	--	--

			<p>Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc theo quy định của VSD (khi Công ty lưu ký cổ phần tại VSD). Trường hợp cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho Công ty để điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông. Nếu Công ty không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được Công ty gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc theo thông báo của VSD.</p> <p>Cổ đông đã lưu ký chứng khoán, khi cần thay đổi thông tin sẽ thực hiện tại công ty chứng khoán nơi mở tài khoản lưu ký.</p> <p>4. Thông tin về cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần trở lên của Công ty phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về quản trị công ty đại chúng.</p>	
16	Điều 10. Thu hồi cổ phần	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Việc xác định lãi</p>	Áp dụng Điều 10 Điều lệ mẫu



2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà

suất chậm thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông báo thanh toán tiền mua cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, khoản 5 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với



		<p>nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Công ty quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.</p> <p>5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
17	<p>Điểm b khoản 1 Điều 11. Mua lại cổ phần</p>	<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá khác được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. <b>Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá.</b> Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. <b>Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá.</b> Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014</p>
18	<p>Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc</p>	<p>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 11 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy</p>	<p>Bỏ nội dung này</p>	<p>Nội dung này đã được quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp</p>



	cổ tức	định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.		2014, Điều lệ không làm rõ thêm nội dung này nên sẽ không nhắc lại quy định của luật.
19	Khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau	Sử dụng thuật ngữ Người nắm giữ cổ phần phổ thông	Sử dụng thuật ngữ Cổ đông phổ thông	Áp dụng khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu
20	Điểm c và g khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này. g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	- Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và <b>quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b> . - Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ ( <b>bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí</b> ) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Áp dụng Điều 12 Điều lệ mẫu

21	Khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Chưa quy định	<p><b>Bổ sung thêm các điểm sau:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</li> <li>- Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty;</li> <li>- Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>- Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;</li> <li>- Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;</li> </ul>	Áp dụng Điều 12 Điều lệ mẫu, Điều 4 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và nhu cầu quản trị của công ty
22	Khoản 4 Điều 15 Quyền của cổ đông	Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông <b>phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</b>	Làm rõ hơn nội dung đã quy định
23	Điều 16 Nghĩa vụ của cổ	1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị	1. Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do	Áp dụng Điều 13 Điều lệ mẫu



đông		<p>quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.</p> <p>4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Vi phạm pháp luật;</li> <li>Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</li> <li>Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</li> </ol>	<p>Công ty quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.</p> <p>2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;</p> <p>4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</li> <li>Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</li> <li>Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</li> <li>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ol> <p>5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;</p> <p>6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật;</p> <p>7. Không được sử dụng cổ phần, chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại Công ty;</p> <p>8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;</p>	
------	--	--	---	--

			<p>9. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p> <p>11. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
24	Điểm c Khoản 3 Điều 17 HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp	Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần hai (1/2) so với số quy định tại Điều lệ này;	Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá <b>một phần ba (1/3)</b> so với số quy định tại Điều lệ này;	Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu
25	Điểm a khoản 4 Điều 24 Thời hạn triệu tập ĐHCĐ bất thường	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn <b>ba mươi (30) ngày</b> kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;	Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu
26	Điều 18	Tiêu đề:	Tiêu đề:	Áp dụng Điều 15 Điều



	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	lệ mẫu
27	Khoản 1 Điều 18 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;</p> <p>b. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Thông qua kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>g. Thông qua mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;</p> <p>h. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>i. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>u. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>v. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>w. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>x. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban</p>	Áp dụng Điều 15 Điều lệ mẫu

	<p>soát;</p> <p>k. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>l. Thông qua Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>m. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>n. Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Công ty;</p> <p>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>p. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>r. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>s. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.</p>	<p>kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
--	--	---	--



		t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.		
28	Điều 19 Các đại diện được ủy quyền	Tiêu đề: Các đại diện được ủy quyền	Tiêu đề: Các đại diện theo ủy quyền	Áp dụng Điều 16 Điều lệ mẫu
29	Khoản 2 Điều 19 Các đại diện được ủy quyền	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	Áp dụng khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu
30	Khoản 4 Điều 19 Các đại diện được	Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối	Bỏ nội dung này	Theo nhu cầu quản trị của công ty

	ủy quyền	đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền; từ trên 10% đến 30% được cử tối đa 05 (năm) người đại diện; từ trên 30% đến 50% được cử tối đa 07 (bảy) người đại diện; từ trên 50% trở lên được cử tối đa bằng số thành viên Hội đồng quản trị. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.		
31	Thay đổi các quyền	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung này	Áp dụng Điều 17 Điều lệ mẫu
32	Khoản 2 Điều 20 Triệu tập ĐHĐCĐ	<p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ</p>	Áp dụng Điều 18 Điều lệ mẫu



	<p>chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (“website”) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo</p>	<p>đồng có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
--	---	--	--

		<p>ng nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu trên địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>		
33	<p>Khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Điều kiện tiến hành họp ĐHCĐ</p>	<p>2.Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.3.Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định</p>	<p>2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng <b>ba mươi (30) ngày</b> kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3.Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng <b>ba mươi (30) phút</b> kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến</p>	<p>Áp dụng Điều 19 Điều lệ Công ty</p>



		<p>hợp lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	
34	Quyền dự họp ĐHĐCĐ	Chưa quy định	<p><b>Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia với tư cách cá nhân mình.</p> <p>2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người dự họp theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Người</p>	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty

			<p>được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>	
35	Khoản 1 Điều 22 Thể thức tiến hành họp	1. Trước hoặc vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do Hội đồng quản trị quyết định.	<b>Trước khi khai mạc cuộc họp</b> , Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	Áp dụng Điều 20 Điều lệ mẫu
36	Khoản 2 Điều 22 Thể thức tiến hành họp	Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	Số thành viên của ban kiểm phiếu tối thiểu 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của Công ty
37	Khoản 5 Điều 22 Thể thức tiến hành họp	Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục xử lý các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.	Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. <b>Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</b>	Áp dụng khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu
38	Khoản 8 Điều 22 Thể thức tiến hành họp	Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu	Áp dụng khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu



		<p>khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;</p> <p>c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.</p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>	<p>dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.</p>	
39	Điều 22 Thể thức tiến hành họp	Chưa quy định	<p>Bổ sung thêm hai khoản sau:</p> <p>- Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.</p> <p>- Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);</p>	Áp dụng khoản 6 và 10 Điều 20 Điều lệ mẫu

			<p>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	
40	<p>Điều 23 Hình thức thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p> <p>Điều 24 Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p>	<p><b>Điều 23. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p>	<p>Ghép thành một điều:</p> <p><b>Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>Áp dụng Điều 21 Điều lệ mẫu</p>



	<p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p> <p><b>Điều 24. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số</p>	<p>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</p> <p>5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ</p>	
--	---	--	--

phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24h) giờ, kể từ ngày nghị quyết được thông

tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

*Riêng nội dung về tỷ lệ số phiếu cần có để thông qua nội dung xin ý kiến bằng văn bản sẽ đưa sang điều khoản riêng biệt*



		qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.		
41	Khoản 2 Điều 25 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Bỏ nội dung này	Nội dung được quy định trong Điều lệ Công ty
42	Khoản 3 Điều 25 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải <b>gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</b>	Áp dụng khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu
43	Điều 27 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, <b>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông</b> hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Áp dụng Điều 24 Điều lệ mẫu
44	Điều 28	Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm	Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản	Luật Doanh nghiệp



	Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	(05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	không còn dùng thuật ngữ nhiệm kỳ của HĐQT.
45	Điều 28 Thành phần của HĐQT	Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Đối với công ty niêm yết bắt buộc phải áp dụng quy định này (Khoản 5 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)
46	Khoản 2 Điều 28 Thành phần của HĐQT	Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ số	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	Áp dụng khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu



		ứng viên.		
47	Khoản 4 Điều 28 Thành phần của HĐQT	<p>Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 8 Điều này;</p> <p>b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Có đơn từ chức;</p> <p>d. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>g. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị <b>không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị</b> trong các trường hợp sau:</p> <p>a. <b>Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. <b>Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</b></p> <p>f. <b>Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</b></p> <p>g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.</p>	Áp dụng khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu
48	Khoản 5 Điều 28 Thành phần của	Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế	Bỏ nội dung này	1. Thông tư 121/2012/TT-BTC

	HĐQT	<p>chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>		<p>trước đây đã quy định nội dung này. Tuy nhiên, thông tư này đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p> <p>2.Cảng hải Phòng đã xin ý kiến UBCKNN về nội dung và được hướng dẫn tại văn bản 8670/UBCK-GSĐC ngày 28/12/2017 là việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện tại Đại hội cổ đông</p>
49	<p>Điểm d Khoản 8 Điều 28 Thành viên của HĐQT</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:          Trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý.</p> <p><b>Bổ sung thêm tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập như sau:</b></p> <p>a. Là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm một trong các lĩnh vực: tài chính, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh;</p> <p>b. Không phải là người đang làm</p>	<p>Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty</p>



việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;

e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều

			<p>này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p> <p><b>Bổ sung điều kiện cho thành viên HĐQT như sau:</b></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.</p>	
50	Công bố thông tin ứng viên HĐQT	Chưa quy định	<p><b>Bổ sung thêm nội dung này</b></p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng</p>	Áp dụng khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu



			<p>văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> <li>c. Trình độ chuyên môn;</li> <li>d. Quá trình công tác;</li> <li>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</li> <li>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</li> <li>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</li> <li>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</li> <li>i. Các thông tin khác (nếu có).</li> </ol>	
51	Điều 29	Tiêu đề: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Tiêu đề: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Áp dụng Điều 27 Điều lệ mẫu
52	Khoản 1 Điều 29 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc của Đại hội đồng cổ đông.	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của	Áp dụng khoản 1 Điều 27 Điều lệ mẫu

53	Khoản 2 Điều 29 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường, và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm <b>quý/sáu (06) tháng/năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;</b></p> <p><b>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</b></p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>e. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận để Tổng</p>	Áp dụng khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu
----	--	---	--	-------------------------------------



i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;

k. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

**k. Quyết định quy chế nội bộ về**



	<p>m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>n. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>s. Thông qua báo cáo tháng, quý, sáu tháng, năm trước khi công bố thông tin theo quy định;</p> <p>t. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>u. Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>v. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>w. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các</p>	<p><b>quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</b></p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>n. Xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>o. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty;</p> <p>r. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</p> <p>s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>u. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy</p>	
--	---	--	--



		<p>thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>x. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>động vốn theo hình thức khác;</p> <p>v. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p><b>w. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</b></p> <p>x. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phân vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</b></p> <p>a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết</p>	
--	--	---	---	--

định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ba tỷ (03) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh, quản trị hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi



			quyền hạn và trách nhiệm của mình.	
54	Khoản 1 Điều 30 Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Do nhu cầu quản trị của Công ty, hai chức danh này cần phải độc lập
55	Khoản 2 Điều 30 Chủ tịch HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</li> <li>b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;</li> <li>f. Đảm bảo các thành viên Hội</li> </ul>	Bổ sung do nhu cầu quản trị của công ty

đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;

i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

j. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Công ty với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k. Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong



			<p>thời gian vắng mặt;</p> <p>l. Trình Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
56	Khoản 3 Điều 30 Chủ tịch HĐQT	<p>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	Bỏ nội dung này	Nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 152, Điều lệ công ty không có giải thích gì thêm
57	Khoản 4 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:</p> <p>d. Ban kiểm soát;</p> <p>e. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>f. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	Khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu

58	Khoản 7 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất <b>năm (05) ngày làm việc</b> trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.	Áp dụng khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu
59	Khoản 9 và 10 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	9.Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. 10.Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty; c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	<b>Khoản 9 điều chỉnh như sau:</b> Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn <b>bảy (07) ngày</b> kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.  <b>Khoản 10</b> Không quy định nội dung này trong Điều lệ công ty	-Áp dụng khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu -Nội dung khoản 10 Điều 31 sẽ được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty
60	Khoản 15 Điều 31 Các cuộc họp	Thư ký Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không	Nội dung này được tách thành hai điểm riêng biệt sau đây: - Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty



	HDQT	phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết khi được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền.	người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; - Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
61	Khoản 16 Điều 31 Các cuộc họp HDQT	Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau: a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua quyết định, nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; và b. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị ghi trong Thông báo lấy ý kiến; c. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu; d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.	Bỏ nội dung này	Nội dung này sẽ được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị của công ty
62	Khoản 1 Điều 32 Biên bản họp HDQT	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng	Áp dụng theo khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014

			<b>Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.</b>	
63	Hiệu lực của Biên bản	Chưa quy định	Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Áp dụng khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014
64	Bổ sung quy định về tiểu ban	Chưa quy định	Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các tiểu ban này và cơ chế làm việc của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty
65	Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty	Chỉ quy định về Thư ký Công ty	Bổ quy định về Thư ký Công ty, bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị công ty	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
66	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	Chưa quy định	Bổ sung nội dung này: Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Công ty.	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
67	Chương III	Tiêu đề: Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty	Tiêu đề: Tổng giám đốc và người điều hành khác	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty



68	Điều 33 Tổ chức bộ máy quản lý	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p>	Áp dụng Điều 33 Điều lệ mẫu
69	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;</li> <li>- Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và <b>Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</b></li> <li>- Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, <b>bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</b></li> <li>- Vào ngày <b>01 tháng 12 hàng năm</b>, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng</li> </ul>	Áp dụng khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu

			như kế hoạch tài chính năm (05) năm;	
70	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung: Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;	Theo nhu cầu quản trị của công ty
71	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	Các nội dung còn lại	Ghi nhận các nội dung còn lại theo nguyên tắc: Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.	Áp dụng theo Điều 35 Điều lệ mẫu
72	Điều 36 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc		Bỏ nội dung này	Nội dung này được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị của công ty
73	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	Chưa quy định	Bổ sung các tiêu chuẩn cơ bản	Theo nhu cầu quản trị của công ty
74	Khoản 4 Điều 38 Thành viên BKS	Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	Bỏ nội dung này	Nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ không có giải thích thêm.
75	Khoản 5 Điều 38 Thành viên BKS	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty



		30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	
76	CBTT ứng viên BKS	Chưa quy định	<p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</li> <li>b. Trình độ học vấn;</li> <li>c. Trình độ chuyên môn;</li> <li>d. Quá trình công tác;</li> <li>e. Các công ty mà ứng viên đang</li> </ol>	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty

			<p>nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
77	Khoản 7 Điều 38 Thành viên BKS	<p>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>e. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>f. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội</p>	Áp dụng theo khoản 4,5 Điều 37 Điều lệ mẫu



		<p>g. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p>	<p>đồng cổ đông; d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	
78	Khoản 1 Điều 39 Ban kiểm soát	<p>a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15</p>	<p>a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4</p>	Áp dụng khoản 1 Điều 38 Điều lệ mẫu



Điều lệ này;

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;

Điều 22 Điều lệ này.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

i. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên



		<p>j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>n. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>o. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;</p> <p>p. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>q. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><b>k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</b></p> <p><b>l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</b></p> <p>m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p> <p>n. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải <b>thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ</b>, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
79	Điều 40	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát	Áp dụng Điều 39 Điều



	Trách nhiệm cân trọng	soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cân trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.	lệ mẫu
80	Điều 41 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Chưa có điều khoản về công khai lợi ích liên quan	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	Áp dụng khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu
81	Điều 44 Quan hệ với tổ chức công đoàn	Chưa có quy định về việc lập kế hoạch các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn	Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Áp dụng khoản 2 Điều 43 Điều lệ mẫu
82	Khoản 2 Điều 45 Phân phối lợi nhuận	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.	Bỏ nội dung này	Tại nội dung về quyền hạn của Hội đồng quản trị đã có quy định: HĐQT quyết định thủ tục trả cổ tức
83	Điều 47 Năm tài chính	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.	Không còn thời điểm năm tài chính đầu tiên nữa



		tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 của năm đó.		
84	Chương XV	Tiêu đề: Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	Tiêu đề: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin	Điều chỉnh lại nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
85	Điều 52 Đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết của Công ty	<p>1. Công ty có thể có các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết;</p> <p>2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>1. Công ty được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:</p> <p>a. Cơ quan Văn phòng Công ty;</p> <p>b. Các Đơn vị trực thuộc;</p> <p>c. Các công ty có vốn đầu tư của Công ty.</p> <p>Danh sách các Đơn vị trực thuộc, các công ty có vốn đầu tư của Công ty được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới, thoái vốn theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào doanh nghiệp ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p>	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
86	Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị trực thuộc	<p>1. Công ty có các đơn vị trực thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy</p>	<p>Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Công ty, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và</p>	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

	<p>định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>2. Các đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị trực thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.</p> <p>3. Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có</p>	<p>hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.</p>	
--	---	--	--



		<p>nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.</p>		
87	Điều 54 Quan hệ giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết	<p>Gồm 5 khoản sau:</p> <p>1. Quan hệ với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con)</p> <p>2. Quan hệ với công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó</p> <p>3. Quan hệ với công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp khác</p> <p>4. Mỗi quan hệ giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các</p>	<p>Tách thành một mục riêng với 5 Điều khoản như sau:</p> <p>Điều 62. Quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác</p> <p>Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ</p> <p>Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty</p>	Điều chỉnh lại nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

		<p>pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.</p> <p>5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con và các doanh nghiệp có vốn góp, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.</p>	<p>nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</p> <p>Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống</p> <p>Điều 66. Nguyên tắc quan hệ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty</p>	
88	Khoản 2 Điều 55 Con dấu	<p>2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</p>	<p>Tách thành 2 khoản có nội dung như sau:</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về sử dụng con dấu của Công ty, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của Công ty.</p>	<p>Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty</p>
89	Khoản 1 Điều 56 Chấm dứt hoạt động	<p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy</p>	<p>Áp dụng theo khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu</p>



		c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	định của pháp luật.	
90	Điều 60 Ngày hiệu lực	<p>1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng biểu quyết thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, được sử dụng để đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền và lưu giữ tại Trụ sở của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 88 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014, Điều lệ được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2017.</p> <p>3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;</li> <li>b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;</li> <li>c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</li> </ul> <p>4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.</p>	Áp dụng Điều 57 Điều lệ mẫu và điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty.

			5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	
--	--	--	--	--